TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST- VDS	*Quang Bình, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Thư ký phiên họp: Ông Hà Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2023/TLST- VDS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về yêu cầu "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số 01/2023/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/3/1986; địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn Ng, sinh ngày 12/7/1979; địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang, (có mặt).

2. UBND xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T – Phó Chủ tịch UBND xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày 21 tháng 4 năm 2023 của người yêu cầu chị Nguyễn Thị H và những tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Hoàng Văn Ng trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang vào ngày 02/12/2002. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bố đẻ chị H đã kê khai tăng năm sinh của chị H để thực hiện việc đăng ký kết hôn, bản thân chị H không biết việc bố đẻ chị H đã kê khai tăng năm

sinh của chị H (chị H, sinh ngày 03/3/1986, nhưng khi kết hôn lại khai ngày 13/3/1983, thời điểm đó chị H mới 16 tuổi 08 tháng 29 ngày).

Tại Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình đều ghi chị Nguyễn Thị H sinh ngày 03/3/1986. Để đảm bảo thống nhất và đúng với quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn nên chị H yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị H với anh Hoàng Văn Ng đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2002 và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Anh Hoàng Văn Ng trình bày: Anh Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang vào ngày 02/12/2002. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Ng đủ tuổi đăng ký kết hôn, còn chị H chưa đủ tuổi để thực hiện việc đăng ký kết hôn, do vậy bố đẻ của chị H đã kê khai tăng tuổi của chị H để thực hiện việc đăng ký kết hôn, còn anh Ng không hề biết việc bố đẻ của chị H đã kê khai tăng năm sinh của chị H. Đối với bản thân anh Ng, tại Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình đều ghi anh Hoàng Văn Ng sinh ngày 12/7/1979, nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn bố của anh Ng đã kê khai anh Ng sinh ngày 12/7/1981 nên trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Ng sinh ngày 12/7/1981, anh Ng không hề biết việc bố của anh đã khai giảm năm sinh của anh Ng. Nay để đảm bảo việc kết hôn đúng với quy định của pháp luật và đúng với tuổi trên tất cả các loại giấy tờ của anh Ng và chị H, nên anh Ng nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu chị H.

Về con chung: Chị H và anh Ng có bốn con chung, cháu thứ nhất Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 18/2/2003; cháu thứ hai Hoàng Lan A, sinh ngày 29/9/2005; cháu thứ ba Hoàng Ái V, sinh ngày 19/01/2013; cháu thứ tư hiện nay chưa khai sinh được tên là Hoàng Hải B, sinh ngày 05/3/2023. Chị H và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q - người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị T xác định: Quá trình kê khai thực hiện việc đăng ký kết hôn, chị Nguyễn Thị H kê khai sinh ngày 13/3/1983, anh Hoàng Văn Ng kê khai sinh ngày 12/7/1981. Căn cứ vào việc kê khai của chị H và anh Ng nên địa phương đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị H và anh Ng vào ngày 02/12/2002. Nay chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh Ng đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q đăng ký kết hôn ngày 02/12/2002 do tại thời điểm đó chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị H và anh Ng kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp chị H và anh Ng giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân cho chị H và anh Ng. Đại diện Ủy ban nhân dân xã V, có đơn đề nghị vắng mặt và không có quan điểm đề nghị gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 10, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; các Điều 29, 35 Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H- sinh ngày 13/3/1983 và anh Hoàng Văn Ng - sinh ngày 12/7/1981 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 02/12/2002; Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H - sinh ngày 03/3/1986 và anh Hoàng Văn Ng - sinh ngày 12/7/1979 kể từ ngày chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 04/3/2003.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phiên họp nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/4/2023 chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án nhân dân huyện Q đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh Hoàng Văn Ng và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Ng. Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Ủy ban nhân xã V, huyện Q là nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn trái pháp luật vì vậy vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, vắng mặt tại phiên họp có lý do (có đơn xin vắng mặt tại phiên họp). Xét việc vắng mặt của đại diện Ủy ban nhân dân xã V không ảnh hưởng đến việc giải

quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[3] Về nội dung yêu cầu: Xác định thời điểm kết hôn: Chị Hvà anh Ng kết hôn với nhau vào ngày 02/12/2002 trên cơ sở tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q được thể hiện Giấy trích lục kết hôn ngày 02/12/2002; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ Tòa án có đủ cơ sở xác định chị H và anh Ng kết hôn vào ngày 02/12/2002.

[4] Căn cứ lời khai chị H, anh Ng và ông Nguyễn Quang S bố đẻ chị H, Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Nguyễn Thị H là ngày 03/3/1986, anh Ng là ngày 12/7/1979. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do chị H chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi. Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh của chị H và anh Ng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Nguyễn Thị H là ngày 03/3/1986; ngày tháng năm sinh đúng của anh Hoàng Văn Ng là ngày 12/7/1979.

[5] Xác định điều kiện kết hôn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/3/1986 đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn Ng, sinh ngày 12/7/1979 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q vào ngày 02/12/2002. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị H mới 16 tuổi 08 tháng 29 ngày, còn anh Hoàng Văn Ng 22 tuổi 04 tháng 20 ngày. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định điều kiện kết hôn nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng đã vi phạm về độ tuổi của chị Nguyễn Thị H nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng đã được Ủy ban nhân dân xã V đăng ký kết hôn ngày 02/12/2002.

[6] Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H: chị H và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, chị H và anh Ng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đã có 04 con chung và tài sản chung; quá trình giải quyết việc dân sự, chị H và anh Ng cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị H đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 04/3/2003.

[7] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 29, Điều 35, khoản 1 Điều 149, Điều 371, Điều 372, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/3/1983 và anh Hoàng Văn N, sinh ngày 12/7/1981 đã được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang số 12 ngày 02/12/2002.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/3/1986 và anh Hoàng Văn Ng, sinh ngày 12/7/1979 kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị H đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 04/3/2003.

3. Chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004115 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

4. Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Ng có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trongthời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hải Phương